

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 7 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Xu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thạch.
Bà Lê Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh
Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST- HNGĐ
ngày 03 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022
giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện
N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh
Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ
T trình bày: Chị và anh Ngô Văn T tự nguyện tìm hiểu xây dựng gia đình, có đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào
năm 2015. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn
là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt
uống rượu về gây gỗ, đánh đập chị nhiều lần, dùng lời lẽ xúc phạm đến danh dự chị,
nhưng con còn quá nhỏ nên chị cố gắng chị đựng. Năm 2015 anh T vi phạm pháp luật
bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử với mức án là 20 năm tù về tội giết người,
hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đ thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Từ những mâu thuẫn và việc làm mà anh T gây ra làm cho tinh thần chị bị suy sụp. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định tinh thần làm ăn nuôi con.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 30/10/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự bị đơn anh Ngô Văn T trình bày: Anh và chị Cao Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, huyện N. Năm 2015 anh bị bắt tạm giam về hành vi giết người, bị Tòa án xét xử với mức án 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ nên hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Những năm đầu chị T thăm nuôi đều đặn, nhưng do dịch bệnh Covid 19, hai năm gần đây chị T không thăm nuôi nữa. Cuối năm 2020 anh nhận được thư chị T gửi đến đề cập việc ly hôn. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn, cãi cọ gì nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 30/10/2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con vì không có điều kiện.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ T. Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Cao Thị Mỹ T và anh Ngô Văn T ly hôn. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Ngô Gia B cho chị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngô Văn T cư trú tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ T với anh Ngô Văn T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt uống rượu về gây gỗ, đánh đập chị nhiều lần, dùng lời lẽ xúc phạm đến danh dự chị, nhưng con còn quá nhỏ nên chị cố gắng chị đựng. Năm 2015 anh T vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử với mức án là 20 năm tù về tội giết người, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đ thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Từ những mâu thuẫn và việc làm mà anh T gây ra làm cho tinh thần chị bị suy sụp. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định tinh thần làm ăn nuôi con. Anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, cãi cọ gì nên anh không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T với anh T và việc làm của anh T mà chị T trình bày thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 30/10/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu B hiện nay đã gần đủ 08 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử có cơ sở cháu giao cháu B cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ T và anh Ngô Văn T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Gia B, sinh ngày 30/10/2014 cho chị Cao Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0010350 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/7/2022). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự
- UBND xã Tam Thành;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Phạm Văn Xu**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thành;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Xu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.../2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 175/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:

- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định hoãn phiên tòa; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên tòa (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án và tên Tòa án nơi thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: “Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự”).

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số...phố...phường...quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi “Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án sẽ được Tòa án thông báo sau”.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Lý, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Dương Quang, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Phú Ninh đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam và Quyết định số 25/QĐ-NHCS ngày 14/3/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.